

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28-4-2023
V/v xin ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Hồng Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phẩm
2. Ông Nguyễn Đình Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mai Phụng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít: (không tham gia phiên tòa).

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 27/2023/TLST- HNGĐ, ngày 13 tháng 02 năm 2023, về việc: “xin ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Kim L, sinh 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp U, xã P, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Ông Đặng Văn K, sinh 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp U, xã P, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 02 năm 2023, đơn yêu cầu không tiếp tục hoà giải vụ kiện và yêu cầu tiến hành xét xử vắng mặt ngày 07 tháng 3 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án thì nguyên đơn bà Bùi Thị Kim L trình bày: Nguyên đơn bà Bùi Thị Kim L với bị đơn ông Đặng Văn K cưới nhau theo phong tục tập quán vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận kết hôn số 71, quyển số 01/2005, ngày 05 tháng 9 năm 2005. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là tính tình không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm cự cãi nhau, gia đình động viên hòa giải nhưng không thể khắc phục được, nên ly thân từ tháng 10 năm 2022 đến nay. Vợ chồng có ba con chung là Đặng Hoàng T, sinh ngày 24 tháng 02 năm 1999, Đặng Thị Huỳnh N, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2003, Đặng Hoàng G, sinh ngày 04 tháng 9 năm 2014. Hiện Đặng Hoàng T đã lập gia đình riêng, Đặng Thị Huỳnh N, Đặng Hoàng G hiện chung sống với ông K.

Do sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà L làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ vợ hôn nhân: Bà L xin được ly hôn với ông K.

Về con chung: Đặng Hoàng T, Đặng Thị Huỳnh N sức khỏe bình thường có khả năng lao động để tự nuôi mình, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng ý giao cháu Đặng Hoàng G cho ông K tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà L yêu cầu không tiến hành hoà giải tiếp, xin xét xử vắng mặt.

Tại Tờ tường trình ngày 11 tháng 4 năm 2023 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm thì bị đơn ông Đặng Văn K trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung như bà L trình bày là đúng. Nhưng nguyên nhân mâu thuẫn là rất ít, không thường xuyên, không xác định được thời gian phát sinh mâu thuẫn. Ông K cho rằng bà L xin ly hôn nguyên nhân chính là do bà L có quen biết người khác. Nay ông K ý kiến như sau:

Về quan hệ vợ hôn nhân: Ông K không đồng ý ly hôn với bà L, vì còn thương bà L, các con cũng rất thương bà L. Trường hợp Hội đồng xét xử xử cho ly hôn thì ông K ý kiến như sau:

Về con chung: Ông K đồng ý tiếp tục nuôi con chung là cháu Đặng Hoàng G không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với Đặng Hoàng T, Đặng Thị Huỳnh N sức khỏe bình thường có khả năng lao động để tự nuôi mình, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà L khởi kiện bị đơn ông K là quan hệ tranh chấp xin ly hôn, nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông K có nơi cư trú tại huyện Mang Thít. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Bà L có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt là có căn cứ, đúng quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà L với ông K cưới nhau theo phong tục tập quán vào năm 1998, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Vĩnh Long theo Giấy chứng nhận kết hôn số 71, quyển số 01/2005, ngày 05 tháng 9 năm 2005 là quan hệ hôn nhân hợp pháp được công nhận là vợ chồng.

Xét, bà L cho rằng vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2013, thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm cự cãi nhau, nên ly thân từ tháng 10 năm 2022 đến nay. Nay bà L yêu cầu được ly hôn với ông K, ông K không đồng ý, vì cho rằng còn thương bà L, các con cũng thương bà L. Trong quá trình thụ lý giải quyết cũng như trình bày của ông K tại phiên tòa sơ thẩm, thừa nhận vợ chồng có bất đồng quan điểm cự cãi nhau, người thân cùng các con động viên khắc phục, nhưng không có kết quả, thời gian ly thân không còn quan tâm lẫn nhau, bà L đề nghị không hoà giải và xin xét xử vắng mặt. Chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà L với ông K là có xảy ra trên thực tế, tình nghĩa vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà L yêu cầu xin ly hôn là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 51, 53, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên chấp nhận yêu cầu của bà L, xử cho bà L được ly hôn với ông K.

[2.2] Về con chung: Cháu Đặng Hoàng G , hiện đang chung sống với ông K. Trường hợp Hội đồng xét xử giải quyết cho ly hôn, thì bà L đồng ý giao cho ông K tiếp tục nuôi dưỡng, ông K đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu Thi, nếu Hội đồng xét xử xử cho bà L, ông K ly hôn. Xét thấy, hiện tại cháu Thi sinh hoạt, học tập ổn định bên ông K, ông K có điều kiện nuôi dưỡng, cháu Thi có nguyện vọng ở với ông K, giao cháu Thi cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo quyền lợi mọi mặt. Do đó, giao cháu Thi cho ông K trực tiếp nuôi con là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con do bên trực tiếp nuôi con ông K không yêu cầu, nên không xem xét.

Đối với Đặng Hoàng T, Đặng Thị Huỳnh N sức khỏe bình thường có khả năng lao động để tự nuôi mình, bà L, ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[2.3] Quyền và nghĩa vụ về tài sản, nợ phải thu và phải trả: Bà L, ông K không yêu cầu, nên miễn xét.

[3] Về án phí: Áp dụng các Điều 24, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà L nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 53, 54, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và các Điều 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 24, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Bùi Thị Kim L;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho nguyên đơn bà Bùi Thị Kim L được ly hôn với bị đơn ông Đặng Văn K.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Hoàng G , sinh ngày 04 tháng 9 năm 2014 cho bị đơn ông Đặng Văn K trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bên trực tiếp nuôi con bị đơn ông K không yêu cầu, nên không xem xét.

Đối với Đặng Hoàng T, Đặng Thị Huỳnh N hiện sức khỏe bình thường, có khả năng lao động để tự nuôi mình, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi dưỡng nguyên đơn bà Bùi Thị Kim L có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Quyền và nghĩa vụ về tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả: Không yêu cầu giải quyết, nên không xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Bùi Thị Kim L nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ từ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít,

tỉnh Vĩnh Long, lai số: N^o 007586, ngày 13 tháng 02 năm 2023, nên không phải nộp thêm.

Đương sự (bị đơn) có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự (nguyên đơn) vắng mặt tại phiên tòa báo cho biết có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAT (P.KTNV&THA);
- VKSND huyện MT;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Bùi Hồng Phúc